



**PHỤ LỤC
ATTACHMENT**

(Kèm theo quyết định số: 1851/QĐ-VACI ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tên Phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Laboratory: *Product quality testing laboratory*

Cơ quan chủ quản: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Organization: *TECHNICAL CENTER FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY*

Lĩnh vực: **Hóa học**

Field of testing: *Chemical*

Người phụ trách/ Representative: **Đinh Thị Hồng Hạnh**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1	Nguyễn Hữu Hà	Tất cả các phép thử được công nhận (Giám đốc) <i>All accredited tests (Director)</i>
2	Đinh Thị Hồng Hạnh	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
3	Bùi Xuân Thời	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>



Số hiệu/Code: **VALAS 100**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **08/06/2028**

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Số 483, Đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
No.483, Tran Hung Dao Street, Hoa Binh Ward, Phu Tho Province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location: :

Số 483, Đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
No.483, Tran Hung Dao Street, Hoa Binh Ward, Phu Tho Province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: **0988.118.750**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	DẦU DO <i>Diesel Oil</i>	Xác định độ nhớt động học <i>Determination of kinematic viscosity of transparent and opaque liquids</i>	(0.2 đến 300 000) mm ² /S (0.2 to 300 000) mm ² /S	TCVN 3171:2011 (ASTM D 445-11)
2.		Xác định khối lượng riêng <i>Determination of density</i>	(0 đến 3) g/cm ³ (0 to 3) g/cm ³	TCVN 8314: 2010 (ASTM D 4052-02)
3.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia – X <i>Determination of sulfur by energy dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry</i>	(3 đến 500) mg/kg (3 to 500) mg/kg	TCVN 3172 : 2019 (ASTM D 2622-16)
4.		Xăng <i>Gasoline</i>	Xác định hàm lượng lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia – X <i>Determination of sulfur by energy dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry</i>	(3 đến 500) mg/kg (3 to 500) mg/kg

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam Standards*;
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*.

Trường hợp Phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case of providing product quality testing services, Product quality testing laboratory - Technical Center for Standards, Metrology and Quality must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*